

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN  
BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CÁC  
CHƯƠNG TRÌNH MTQG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 04 tháng 3 năm 2019

Số: 48 /HD-BCĐ-VPĐP

V/v hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

VĂN PHÒNG HĐND-UBND H. NÂM PỐ	
DẾN	Số: ... 25 ...
	Ngày: 06/3/2019
	Chuyển: .....
	Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi:

- Các Sở, Ban ngành thành viên Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020.

Căn cứ Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020.

Thực hiện Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020 và Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020.

Căn cứ hướng dẫn của các Sở, Ban ngành liên quan.

Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG hướng dẫn trình tự, thủ tục công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020, cụ thể như sau:

## **I. ĐIỀU KIỆN, XÉT CÔNG NHẬN THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI VÀ THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU**

**1. Đối tượng áp dụng:** Các huyện, thị xã, thành phố và các Sở ngành liên quan đến điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**1.1. Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới:** Áp dụng cho các xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

**2. Điều kiện công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**

**2.1. Điều kiện công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới:**

- Thôn, bản thuộc các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; có đăng ký xây dựng thôn, bản nông thôn mới với UBND xã.

- Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

**2.2. Điều kiện công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**

- Thôn, bản thuộc các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; có đăng ký xây dựng thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu với UBND xã.

- Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

**3. Nguyên tắc đánh giá, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**

- Việc đánh giá, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu phải đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch, đủ điều kiện, đúng trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Việc đánh giá tiêu chí và công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu được thực hiện thường xuyên, liên tục, hàng năm.

- Các thôn, bản sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu tiếp tục triển khai thực hiện nâng cao chất lượng tiêu chí, góp phần xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới và xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

**4. Thẩm quyền công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**

Chủ tịch UBND cấp huyện Quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên cơ sở đề nghị của Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện.

**II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI VÀ THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU**

**1. Trình tự, thủ tục:**

**1.1. Đăng ký thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**

- Ban phát triển thôn, bản đăng ký công nhận thôn, bản nông thôn mới và thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu với UBND xã trước ngày 10/10 của năm liền kề trước năm đánh giá; trường hợp thôn, bản chưa đăng ký công nhận theo thời gian quy định trên, nếu thấy đủ điều kiện thì đăng ký bổ sung trước ngày 15/6 của năm đánh giá.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc (từ ngày nhận được đăng ký của thôn, bản), UBND xã trả lời bằng văn bản về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện xây dựng thôn, bản nông thôn mới và thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu, nêu rõ lý do đối với thôn, bản chưa đưa vào kế hoạch.

## **1.2. Trình tự công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**

Trình tự công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu gồm các bước:

- Ban phát triển thôn, bản tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới và thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu.

- UBND xã tổ chức thẩm tra, đề nghị, xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- UBND cấp huyện tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND huyện Quyết định công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

## **1.3. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới và thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu**

- Ban phát triển thôn, bản tự tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí theo quy định của Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới và thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu.

- Khi xét thấy 100% các tiêu chí đều đạt chuẩn theo quy định tiến hành xây dựng báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí thôn, bản nông thôn mới và thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu gửi UBND xã đề nghị thẩm tra xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

## **1.4. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**

- UBND xã thành lập đoàn thẩm tra kết quả đạt được các tiêu chí của thôn, bản đề nghị xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (thành phần gồm thành viên Ban chỉ đạo, Ban quản lý xã, đại diện các tổ chức, đoàn thể của xã, cán bộ chuyên môn...) nhằm đánh giá cụ thể mức độ đạt từng tiêu chí của thôn, bản.

- Khảo sát thực tế, tổ chức họp đánh giá cụ thể về kết quả, mức độ đạt được của các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới và thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu.

- Xây dựng tờ trình gửi UBND huyện đề nghị thẩm định, xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu khi có từ 90% trở lên ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc (từ ngày nhận được đề nghị của Ban phát triển thôn, bản), UBND xã trả lời bằng văn bản về kết quả xét, đánh giá cụ thể các tiêu chí, nêu rõ lý do trong trường hợp thôn, bản chưa được đề nghị thẩm định xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

### **1.5. Tổ chức thẩm định, công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**

- UBND huyện thành lập Tổ thẩm định kết quả thực hiện tiêu chí thôn, bản nông thôn mới và thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu (Do chánh Văn phòng điều phối cấp huyện là tổ trưởng, thành viên là lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn của huyện) nhằm thẩm định mức độ đạt được từng tiêu chí của Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới và thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tổ thẩm định tổ chức họp, đánh giá cụ thể về mức độ đạt các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới và thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu đề nghị công nhận đạt chuẩn.

- Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện hoàn thiện hồ sơ, xây dựng tờ trình đề nghị xét, công nhận thôn, bản nông thôn mới và thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trình chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định khi có từ 90% trở lên ý kiến nhất trí của các đại biểu dự họp.

Trong thời gian 10 ngày làm việc (từ ngày nhận được tờ trình của UBND xã), UBND cấp huyện chỉ đạo thẩm định và công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, nêu rõ lý do trong trường hợp thôn, bản chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoặc nông thôn mới kiểu mẫu.

#### **2. Hồ sơ**

- Bản đăng ký thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (*theo mẫu số 01 đính kèm*).

- Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới và thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu của Ban phát triển thôn, bản (*theo mẫu số 02 đính kèm*).

- Báo cáo của UBND xã về kết quả đạt chuẩn các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu (*theo mẫu số 03 đính kèm*).

- Tờ trình đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu của UBND cấp xã (*theo mẫu số 04 đính kèm*).

- Biên bản kiểm tra, thẩm định của Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện (*theo mẫu số 05 đính kèm*).

- Tờ trình đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới của Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện (*theo mẫu số 06 đính kèm*).

#### **3. Mẫu giấy công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**

*(Theo mẫu số 07 đính kèm)*

#### **4. Công bố kết quả công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu**

- Chủ tịch UBND cấp huyện công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, công khai trên đài phát thanh của huyện, trang thôn tin điện tử của huyện.

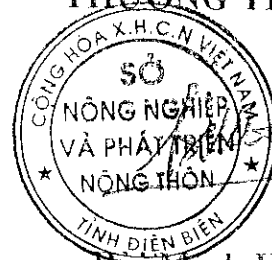
- Việc tổ chức công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới, tùy điều kiện của xã có thể tổ chức lễ công bố, do UBND xã thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

Trên đây là hướng dẫn về trình tự, thủ tục xét công nhận, thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để xem xét, sửa đổi cho phù hợp. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban ngành (p/h);
- Lưu VT.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO  
KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN  
THƯỜNG TRỰC**



**Bùi Minh Hải**

Mẫu số : 01

UBND XÃ.....  
THÔN, BẢN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201

**BẢN ĐĂNG KÝ**

**Xây dựng thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... hoặc thôn, bản đạt  
chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm.....**

Kính gửi: UBND xã ....., huyện.....

Căn cứ các văn bản liên quan của tỉnh, huyện;

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của xã;

Tính đến tháng..... năm ....., thôn, bản ..... có số tiêu chí đã đạt chuẩn theo quy định là ...../....., đạt .....%, đảm bảo theo yêu cầu quy định của Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2018-2020 và có đủ điều kiện phấn đấu thành thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu; thôn, bản.... xã.....huyện.....đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định để được công nhận đạt chuẩn năm....

Kính đề nghị UBND xã ....., huyện....., xem xét đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

*Nơi nhận:*

- Ban chỉ đạo XDNTM xã (b/c);
- Lưu Ban phát triển thôn (bản).

**TM. THÔN, BẢN....**  
**TRƯỞNG THÔN, BẢN**  
(Ghi rõ họ tên)

Mẫu số : 02

UBND XÃ.....  
THÔN, BẢN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày      tháng      năm 201

### BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Điện Biên năm .... của Thôn, bản.....

**I. Khái quát quá trình tổ chức triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thôn, bản**

**II. Đặc điểm tình hình chung**

1. Nền tảng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn, bản
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

**III. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu**

Tổng số tiêu chí thôn (bản) tự tổ chức đánh giá đạt đảm bảo theo quy định là .... / ..... tiêu chí, đạt ....%, cụ thể:

**1. Tiêu chí số ..... về .....**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

.....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai, thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng thực hiện:

.....

- Kinh phí thực hiện:

.....

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt được tiêu chí .....(Trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí)

**2. Tiêu chí số ..... về .....**

a) Yêu cầu của tiêu chí:

.....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai, thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng thực hiện:

.....  
- Kinh phí thực hiện:

.....  
c) Tự đánh giá: Mức độ đạt được tiêu chí .....(Trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí)

**n. Tiêu chí số ..... về .....**

**IV. Đánh giá chung**

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm
4. Đề xuất, kiến nghị

*Nơi nhận:*

- Ban chỉ đạo XDNTM xã (b/c):
- Lưu Ban phát triển thôn (bản).

**TM. THÔN, BẢN....**  
**TRƯỞNG THÔN, BẢN**  
*(Ghi rõ họ tên)*



Mẫu số : 03

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ: /BC-UBND ..... , ngày tháng năm 201

### BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu đối với thôn, bản..... năm 20.....**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo liên quan của tỉnh, huyện;

Căn cứ đề nghị của Báo cáo kết quả thực hiện Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Điện Biên năm... của thôn (bản).....ngày.....tháng.....năm;

UBND xã .....báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu cho thôn, bản..... năm....cụ thể như sau:

#### I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

##### 1. Khái quát chung

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu

##### 2.1. Tiêu chí số.....về.....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....

- Các nội dung đã thực hiện:

.....

- Khối lượng thực hiện:

.....

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở yêu cầu của tiêu chí)

##### 2.2. Tiêu chí số.....về.....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....  
.....  
- Các nội dung đã thực hiện:

.....  
.....  
- Khối lượng thực hiện:

.....  
.....  
c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... (trên cơ sở yêu cầu của tiêu chí)

n) Tiêu chí số..... về .....

.....  
**II. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

**1. Về kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu**

- Tổng số tiêu chí của thôn, bản đạt được là: ...../..... Tiêu chí.

- Thôn, bản..... đủ điều kiện đề nghị công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

**2. Kiến nghị**

.....  
...../.

*Nơi nhận:*

- UBND huyện (b/c);
- Văn phòng điều phối XDNTM huyện (b/c);
- Lưu BCD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ THÔN, BẢN  
NÔNG THÔN MỚI CỦA THÔN, BẢN..... XÃ.....**

*(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20.. của UBND xã....)*

(Có mẫu biểu kèm theo)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ THÔN, BẢN  
NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU CỦA THÔN, BẢN..... XÃ.....**

*(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20.. của UBND xã....)*

(Có mẫu biểu kèm theo)

Biểu 1:

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ THÔN, BẢN NÔNG THÔN MỚI CỦA THÔN, BẢN..... XÃ.....**

(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20.. của UBND xã...)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn (bản) nông thôn mới theo vùng		Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	Kết quả đánh giá của xã
			Xã 135 [1]	Xã còn lại		
1	Giao thông	1.1 Tỷ lệ km trục thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm [2]				
		- Tỷ lệ đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	80%	90%		
		- Tỷ lệ đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa	≥40%	≥50%		
		1.2 Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Đạt	Đạt		
		1.3 Đường trục chính nội đồng (nếu có) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Đạt	Đạt		
2	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên quan đến thôn, bản cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt		
3	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn theo quy định của Bộ Công Thương.	≥95%	≥95%		
4	Văn hóa	4.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn	Đạt	Đạt		
		4.2. Hàng rào của Nhà văn hoá, khu thể thao thôn, bản được làm bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác được trang trí thân thiện với môi trường	Đạt	Đạt		
		4.3. Được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn/bản văn hóa" theo quy định	Đạt	Đạt		
		4.4 Tỷ lệ hộ gia đình đạt "gia đình văn hóa"	≥70%	≥80%		

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn (bản) nông thôn mới theo vùng		Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	Kết quả đánh giá của xã
			Xã 135 [1]	Xã còn lại		
		4.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	≥70%	≥80%		
5	Thông tin và Truyền thông	5.1. Thôn, bản có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt		
		5.2. Thôn, bản, có hệ thống loa truyền thanh hoạt động	Đạt	Đạt		
6	Nhà ở dân cư và vườn hộ	6.1 Không có nhà tạm dột nát	Không	Không		
		6.2 Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng (đảm bảo 3 cứng: nền cứng, khung cứng, mái cứng; Diện tích nhà đạt từ 10m <sup>2</sup> trở lên, niên hạn sử dụng công trình nhà ở từ 20 năm trở lên)	≥75%	≥80%		
		6.3 Đồ đạc trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp	Đạt	Đạt		
		6.4 Có hàng rào bao quanh đảm bảo mỹ quan (ưu tiên hàng rào bằng cây xanh)	Đạt	Đạt		
		6.5 Có vườn trồng rau sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Đạt	Đạt		
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong thôn, bản gấp 1,6 lần so với năm 2015 (năm 2015 bình quân khu vực nông thôn 10,3 triệu đồng/năm)	Đạt	Đạt		
8	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2018-2020	≤12%	≤10%		
9	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	≥90%		
		10.1 Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 95% trở lên, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học	Đạt	Đạt		

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn (bản) nông thôn mới theo vùng		Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	Kết quả đánh giá của xã
			Xã 135 [1]	Xã còn lại		
10	Giáo dục và Đào tạo	10.2 Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 trở lên.	Đạt	Đạt		
		10.3 Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học Chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	≥70%	≥85%		
		10.4 Thôn bản có điểm trường thi phòng học không tạm bợ, bàn ghế học sinh đúng tiêu chuẩn, khuôn viên điểm trường đủ diện tích theo số lượng học sinh, có tường rào bao quanh	≥70%	≥80%		
		10.5 Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥25%	≥30%		
11	Y tế	11.1 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	≥95%		
		11.2 Có tối thiểu 01 nhân viên y tế thôn, bản, khu dân cư được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định, thường xuyên hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được giao; hàng tháng có giao ban với trạm y tế xã	Đạt	Đạt		
		11.3 Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao tối thiểu)	≤26,7%	≤24,2%		
12	Môi trường và An toàn thực phẩm	12.1 Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh	≥90%	≥98%		
		12.2 Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ)	≥70%	≥80%		
		12.3 Thôn bản có tổ thu gom rác thải hoặc hộ gia đình có phân loại rác và có hố thu gom, xử lý rác tại gia đình	100%	100%		
		12.4 Tỷ lệ hộ gia đình chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥60%	≥70%		

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn (bản) nông thôn mới theo vùng		Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	Kết quả đánh giá của xã
			Xã 135 [1]	Xã còn lại		
		12.5 Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm	100%	100%		
13	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	13.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt		
		13.2. Chi bộ đạt danh hiệu "trong sạch, vững mạnh".	Đạt	Đạt		
		13.3. Các tổ chức đoàn thể đều đạt loại khá trở lên.	Đạt	Đạt		
		13.4. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản NTM.	Đạt	Đạt		
		13.5 Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình. Bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt		
14	Quốc phòng và An ninh	14.1 Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng (nếu có)	Đạt	Đạt		
		14.2 Thôn, bản đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; không có khiếu kiện đông người kéo dài, không có trọng án xảy ra; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm liên tục so với năm trước	Đạt	Đạt		
15	Tuân thủ pháp luật, quy ước hương ước	15.1 Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy ước, hương ước không bị phê bình cảnh cáo trở lên (bằng văn bản)	100%	100%		
		15.2 Thực hiện đầy đủ đúng thời gian, các nghĩa vụ đóng góp theo quy định của pháp luật và các khoản đã thống nhất trong thôn, bản, cộng đồng dân cư	Đạt	Đạt		

Biểu 2:

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ THÔN, BẢN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU CỦA THÔN, BẢN..... XÃ.....**

(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBND ngày .. 20.. của UBND xã...)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	Kết quả đánh giá của xã
1	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm của thôn cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã tại thời điểm xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt		
2	Tỷ lệ hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều [1]	≤3%		
3	Nhà ở, vườn hộ gia đình, khuôn viên cảnh quan, hàng rào, cổng ngõ	<b>3.1. Nhà ở</b>			
		3.1.1. Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt chuẩn theo quy định	100%		
		3.1.2. Có phương án bảo đảm an toàn khi có thiên tai (Bão, lũ...)	Đạt		
		<b>3.2. Vườn hộ gia đình [2]</b>			
		3.2.1. Tỷ lệ hộ đã thực hiện chỉnh trang vườn nhà đạt chuẩn	≥ 70%		
		3.2.2. Chuồng trại chăn nuôi phải đảm bảo quy định về các khoảng cách tối thiểu cách nhà ở, công trình cấp nước là 5m và không ảnh hưởng xấu đến môi trường	≥ 70%		
		3.3. Khuôn viên - cảnh quan: Khuôn viên nhà được thiết kế phù hợp, có cây xanh, hoa hoặc cây cảnh được cắt tỉa chăm sóc đảm bảo xanh sạch đẹp	≥ 70%		
		<b>3.4. Hàng rào, cổng ngõ</b>			
		3.4.1. Có hàng rào xanh hoặc hàng rào khác được phủ bằng cây xanh, hoặc trồng hoa phía chân ngoài hàng rào, tạo cảnh quan đẹp	≥ 70%		
		3.4.2. Cổng ngõ được xây dựng, chỉnh trang hài hòa với cảnh quan của làng quê	≥ 70%		
		<b>4.1. Giáo dục</b>			
		4.1.1. Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo	100%		
		4.1.2. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1	100%		



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	Kết quả đánh giá của xã
4	Giáo dục, y tế, văn hóa	4.1.3. Trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 95% trở lên, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học	Đạt		
		4.1.4. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	≥ 95%		
		<b>4.2. Y tế</b>			
		4.2.1. Người dân thường trú trên địa bàn thôn, bản được quản lý, theo dõi sức khỏe	≥ 90%		
		4.2.2. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	≥ 90%		
		<b>4.3. Văn hóa</b>			
		4.3.1 Thôn, bản được công nhận và giữ danh hiệu "Thôn, bản văn hóa" liên tục tối thiểu 03 năm	Đạt		
		4.3.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới hỏi, việc tang và lễ hội	100%		
5	Môi trường - cảnh quan	5.1. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên	Đạt		
		5.2. Có từ 60% trở lên số tuyến đường thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến (cây cách nhau ≤ 10m)	Đạt		
		5.3. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng	Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả tự đánh giá của thôn, bản	Kết quả đánh giá của xã
		5.4. Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt		
		5.5. 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững	Đạt		
		5.6. Tỷ lệ đường trục chính của thôn, bản có hệ thống điện chiếu sáng, thường xuyên chiếu sáng vào ban đêm đạt $\geq 50\%$	Đạt		
6	Quốc phòng và an ninh	6.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân "Vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	100%		
		6.2. Thôn, bản đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; không có khiếu kiện đông người kéo dài, không có trọng án xảy ra; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế và giảm so với năm trước; có nội quy, quy chế về đảm bảo an ninh trật tự thôn, bản và các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả, nhân dân tích cực tham gia phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc. 2 năm liên tục trước thời điểm xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu phải đạt tiêu chuẩn thôn, bản an toàn về "an ninh trật tự"	Đạt		

Mẫu số : 04

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ: /TTr-UBND ..... ngày tháng năm 201

### TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định, xét công nhận thôn, bản.... đạt chuẩn nông thôn mới năm.... Hoặc thôn, bản.... đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.....

Căn cứ các văn bản chỉ đạo liên quan của tỉnh, huyện;

Căn cứ báo cáo số .../BC-UBND ngày / /20.. của UBND xã ..... Về đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu cho thôn, bản.....;

UBND xã ..... Kính trình UBND huyện ..... thẩm định, công nhận thôn, bản ..... đạt chuẩn nông thôn mới năm 20.. hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 20..;

Hồ sơ gồm có:

- Báo cáo đánh giá của UBND xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới hoặc nông thôn mới kiểu mẫu của thôn, bản.... (bản chính);

- Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu của Ban phát triển thôn, bản.... (bản chính);

Kính đề nghị UBND huyện..... xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Văn phòng điều phối XDNTM huyện (b/c);
- Lưu BCĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
(Ghi rõ họ tên)

Mẫu số : 05

UBND HUYỆN.....  
TỔ THẨM ĐỊNH TIÊU CHÍ THÔN,  
BẢN NÔNG THÔN MỚI HOẶC  
NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201

### BIÊN BẢN

Thẩm định công nhận thôn, bản ....., xã ..... Đạt chuẩn nông thôn mới năm 20.. hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 20..

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020 và Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020.

Căn cứ Hướng dẫn số /HD-BCĐ-VPĐP ngày.../ /2018 của Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Điện Biên hướng dẫn quy định trình tự, thủ tục, xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /năm 20.. của UBND huyện..... về thành lập tổ thẩm định thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới hoặc thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Trên cơ sở đề nghị thẩm định, xét công nhận thôn, bản ..... đạt chuẩn nông thôn mới năm 20.. hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 20.. của UBND xã..... tại Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày / /năm 20..

Hôm nay, ngày tháng năm 20.., tại ....., Tổ thẩm định tiêu chí thôn bản nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu huyện ..... tổ chức thẩm định, công nhận thôn, bản ..... xã..... đạt chuẩn nông thôn mới hoặc nông thôn mới kiểu mẫu năm 20..:

#### **I. THÀNH PHẦN**

##### **Cấp huyện:**

1. Ông (bà): ....., Chức vụ: .....

2. Ông (bà): ....., Chức vụ: .....

##### **Đại biểu đại diện xã:**

1. Ông (bà): ....., Chức vụ: .....

2. Ông (bà): ....., Chức vụ: .....

##### **Đại biểu đại diện thôn, bản:**

1. Ông (bà): ....., Chức vụ: .....

2. Ông (bà): ....., Chức vụ: .....

## II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

Sau khi kiểm tra thực tế tại.....; các đại biểu dự họp đã tiến hành thảo luận:

### 1. Ý kiến của các đại biểu dự họp:

.....  
.....

### 2. Đại diện UBND xã ..... phát biểu ý kiến

Ông (bà): ....., Chức vụ: .....

Một số đề nghị:

.....  
.....

### 3. Kết quả tổng hợp đánh giá của các đại biểu dự họp

- Tổng số đại biểu dự họp: .....

- Số đại biểu đồng ý: ...../..... Đạt .....%.

- Số đại biểu không đồng ý: ...../..... Đạt .....%.

## III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Tổng số tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc nông thôn mới kiểu mẫu của (thôn, bản)... đạt được đến thời điểm thẩm định là ..... tiêu chí/ .....tiêu chí;

Đề nghị công nhận thôn, bản ....., xã ..... đạt tiêu chí thôn, bản nông thôn mới hoặc nông thôn mới kiểu mẫu năm 20.. đối với thôn, bản ..... xã.....

### 2. Kiến nghị:

Đề nghị VPĐP nông thôn mới hoàn thiện hồ sơ đề nghị chủ tịch UBND huyện xem xét, Quyết định công nhận thôn, bản nông thôn mới năm 20.. hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 20.. đối với thôn, bản .... Xã.....

ĐẠI DIỆN UBND XÃ.....

TỔ TRƯỞNG TỔ THẨM ĐỊNH

ĐẠI DIỆN THÔN, BẢN.....

Mẫu số : 06

BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CÁC CT  
MTQG HUYỆN.....  
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-VPĐP ..... ngày tháng năm 201

### TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới hoặc  
thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 20..

Kính gửi: Chủ tịch UBND huyện.....

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của  
UBND tỉnh Điện Biên về ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới trên địa  
bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020 và Quyết định số /QĐ-UBND ngày  
tháng năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản  
nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020.

Căn cứ Hướng dẫn số /HD-BCĐ-VPĐP ngày.../ /2018 của Ban chỉ  
đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Điện Biên hướng dẫn quy định trình  
tự, thủ tục, xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt  
chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Căn cứ hồ sơ đề nghị của UBND xã ..... tại tờ trình số ...../TTr-  
UBND ngày.../.../20.. và biên bản làm việc của tổ thẩm định tiêu chí thôn, bản  
nông thôn mới hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu ngày /.../năm 20..;

Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện kính trình Chủ tịch UBND  
huyện ..... xem xét, Quyết định công nhận “Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới  
hoặc thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 20.. đối với thôn, bản .....,  
xã.....

Hồ sơ gửi kèm, gồm có:

1. Hồ sơ đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt  
chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu của UBND xã.....

2. Biên bản làm việc của tổ thẩm định tiêu chí thôn, bản nông thôn mới  
hoặc thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu ngày /.../năm 20..;

Kính trình Chủ tịch UBND huyện..... xem xét, Quyết định./.

Nơi nhận:

CHÁNH VĂN PHÒNG

Mẫu số 7:

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 201

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới; thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 20.. trên địa bàn huyện...

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Điện Biên và Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2018-2020.

Căn cứ hướng dẫn số /HD-BCĐ-VPĐP ngày tháng năm 2019 của Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh Điện Biên về hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới và thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Xét đề nghị của thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện...,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận thôn, bản..., xã..., huyện... Đạt chuẩn nông thôn mới hoặc Đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 20.. trên địa bàn huyện...

**Điều 2.** Giao cho Ban chỉ đạo và Ban quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới xã..., Ban phát triển thôn, bản... có trách nhiệm tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch UBND xã...; Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, bản... và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Điện Biên (b/c);
- VPĐP NTM tỉnh Điện Biên (b/c);
- TTr Huyện ủy (b/c);
- TTr HĐND huyện (b/c);
- Các Phó CT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH

Mẫu số : 08

**MẪU GIẤY CÔNG NHẬN THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI HOẶC THÔN, BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU**

(Quốc huy) (1)	
<b>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (2)</b> Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----	
<b>CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ..... (3)</b>	
<b>CÔNG NHẬN (4)</b>	
Thôn, bản ..... Xã ....., huyện ..... (5)	
<i>Đạt chuẩn nông thôn mới hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... (6)</i>	
Quyết định số: ...../QĐ-CT ngày .../.../..... (7)	....., ngày .... tháng .... năm ... (8).
Vào Sổ số: ...../QĐ-UBND (9)	<b>CHỦ TỊCH (10)</b>
Nguyễn Văn A (11)	

**Yêu cầu:**

**1. Kích thước:**

- Chiều rộng: 30 cm, chiều dài 40cm
- Hoa văn bên trong: chiều rộng 21 cm, chiều dài 32 cm.

**2. Chất liệu và định lượng:** Giấy trắng, định lượng: 150g/m<sup>2</sup>.

**3. Hình thức:** Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1).

**4. Nội dung:**

- Dòng 1, 2: Quốc huy, Quốc hiệu (2)

*Khoảng trống*

- Dòng 3: Thẩm quyền Quyết định (3)
- Dòng 4: Công nhận (4)



- Dòng 5: Tên thôn, bản, xã, huyện (5)
- Dòng 6: Đạt chuẩn nông thôn mới năm.... Hoặc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm ... (6)

*Khoảng trống*

- Dòng 7:
- + Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm (7)
- + Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (8)

- Dòng 8:
- + Bên trái: Số sổ vàng (9)
- + Bên phải: Thẩm quyền ký (10) :

*Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu*

- Dòng 9: Họ và tên người ký quyết định (11)

***Ghi chú:***

- (1): In hình Quốc huy.
- (2): Quốc hiệu:
- + Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in đậm, màu đen).
- + Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen),
- (3): Thẩm quyền quyết định: (chữ in, màu đỏ).
- (4): Chữ in, màu đen.
- (5): Chữ in, màu đỏ.
- (6), (7), (8), (9): Chữ thường, màu đen.
- (10): Chữ in, màu đen.
- (11): Chữ thường, màu đen.
- Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.